



TỦ SÁCH TỪ VI LÝ SỐ
<http://www.tuvilyso.com>

LỜI NHÀ XUẤT BẢN



rải qua 500 năm nay, nhà thơ, nhà triết lý, nhà văn hóa vĩ đại: **Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm** đã đi vào quần chúng. Nhưng những cổ thư của ông ở chế độ phong kiến thì chỉ đại gia quyền quý mới được phép dùng.

Ngày nay, nhà xuất bản, dựa theo ý kiến của giáo sư Hoàng Như Mai trong hội đồng thẩm định – xin giới thiệu bạn đọc tác phẩm: **Thái Ất Thần Kinh** của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã được giáo sư Nguyễn Đoàn Tuân và ông Thái Quang Việt góp nhiều công sức biên soạn.

Thái Ất Thần Kinh là một công trình nghiên cứu công phu. Nó tổng hợp sức mạnh chuẩn xác của triết học toán rút ra từ những luồng vũ trụ, là nguồn tri thức hữu thể để hiện thực mệnh sống của con người với môi trường cảm ứng giữa người và trời đất cùng vạn vật.

Học “Thái Ất” theo dòng đức Trạng Trình là thông hiểu về vũ trụ và con người có luồng thông lưu với nhau trong định luật cảm ứng. Bản thân cơ thể con người là một sinh sơ nhạy bén, quan hệ ba chiều sinh hóa nhiên, với vạn vật và vũ trụ, bằng cả tượng, cả lý và cả số mà “Thái Ất” gọi là Lý Thiên, Lý Địa và Lý Nhân.

Nhân cơ thể là một tiểu thiên thể, tự nó tích lũy những quan hệ hổ tương thông tin với vạn vật và vũ trụ - Con người lại vốn có chân tính cầu tiến không ngừng bằng cách tìm hiểu những thông tin của vạn vật và vũ trụ, với ý hướng thu dụng vật chất thiên nhiên, biến chúng thành kho tàng phục vụ đời sống con người, mà lại đối lập, lại muốn thống nhất với toàn khối vũ trụ bao la trong sự thông đạt tình vạn vật mà không còn gì ẩn khuất, dù là quỷ thần... Nay ta gọi là nguồn tri cơ hay dự đoán cộng đồng, đòi hỏi một bài toán đa tiêu chuẩn, một nguồn dụng đa năng. Những phương pháp hiện đại dùng để thông tin như báo chí, điều tra, phát thanh, truyền hình, vệ tinh, vi tính... nhận thông tin cả vĩ mô, nhưng chưa vẹn toàn vì nó bị giới hạn tự bản thân của cơ khí.

Sách **Thái Ất Thần Kinh** được tái bản lần này được sửa chữa và bổ sung thêm những phần thiếu sót. Mong bạn đọc quan tâm đến vấn đề này, góp những ý kiến quý báu để chúng tôi bổ sung cho lần tái bản sau.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 4 – 2002.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

LỜI MỞ ĐẦU

A. XUẤT XỨ :

Bộ sách Thái Ất Thần Kinh này được soạn ra từ ba bộ Thái Ất:

1. Thái Ất số thống tông đại toàn, tựa căn đề do ông Nam Hoài, đề tổng tự là ông Lý Tự Minh, đời Càn Long, năm Ất Mão, được xuất bản và ấn hành do “Chân - Thiện - Mỹ”, sách dày 283 trang, khổ 20x14, tại Đài Bắc, năm Trung Hoa Dân quốc thứ 54 (ứng năm Ất Ty 1965). Sách gồm 6 thiên, do ông Thương Ba đề đáp.

2. Thái Ất thống tông bửu giám, tựa của Quán Sơn Lão Nhân, gồm 20 quyển, sách chép tay do cụ Trần Trọng Đạt (1900 – 1998) đã cho tôi mượn một cách vĩnh viễn. Sách này đề năm Quý Mão nhằm đời Đại Nguyên Đại Đức năm thứ 7 (ứng 1303 dl).

3. Bộ Huyền Phạm Tiết Yếu, do cư sĩ họ Nguyễn Am Bạch Vân soạn, Đông dã Tiều, họ Phạm sửa lại, được cụ Nguyễn Ngọc Doãn dịch sang quốc âm, gồm trọn bộ 5 cuốn, đề: Dịch xong ngày 15 Giáp Dần, tháng 6 Kỷ Vị, năm 4851 tuổi Việt, ứng năm Nhâm Tý (1972 dl), có hai cuốn (1 và 2) ghi cả phần chữ Hán.

B. NGƯỜI DỊCH TÁC PHẨM :

Cụ Nguyễn Ngọc Doãn (1912 – 1989) lấy bút hiệu là Thái Quang Việt. Thân phụ của cụ là cụ Đồ Khuê (Nguyễn Ngọc Giai) một người có tiếng tăm về Hán văn ở Hà Nội vào đầu thế kỷ XX. Nguyên quán của Cụ là làng Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Cụ Doãn đã dịch bộ Huyền Phạm Tiết Yếu là Khuôn Huyền Cô Lại – với trọn bộ 5 cuốn. Ngoài ra, cụ Doãn còn dịch các bộ: Kỳ Môn Độn Giáp, Thái Nhâm; cụ soạn bộ Lịch Việt tính từ Nhâm Tuất, đời Hồng Bàng nguyên niên (-2879 trước Tây lịch) đến năm 2010, trong đó gồm nhiều chi tiết như ngày tốt - xấu, tiết khí, vũ trụ (tức ngày theo Can Chi), lịch Việt lịch, lịch Trung Hoa, lịch Tây... Cụ mất năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

C. LỜI NGƯỜI ĐỀ ĐÁP :

1. Cụ Thái Quang Việt khi dịch bộ Huyền Phạm Tiết Yếu đã có lời nói đầu, nội dung tôi sẽ xin trích dẫn ở phần sau. Nay, tôi lấy bộ Khuôn Huyền Cô Lại làm nòng cốt, lấy bản dịch của cụ Thái Quang Việt làm gốc để soạn thêm một số những gì còn thiếu sót, và sửa chữa những con số chưa chính xác. Cái hay của bản dịch là cụ Thái Quang Việt dùng quốc ngữ để chuyển cả những thuật ngữ từ Hán tự sang tiếng Việt, khiến cho ai cũng hiểu được nghĩa lý, nhưng xét trong toàn bộ vấn đề, thì việc cụ làm như thế lại khiến người ta bối ngỡ và đôi khi không hiểu hoặc khó hiểu, ví như tên gọi các sao: Đại Du, Tiểu Du, Thái Ất, Thủy Kích, Thái Âm, Thái Dương... dịch là Du lớn, Du nhỏ, Ất cả, Mối kích, Âm cả, Dương cả... (việc chuyển dịch sang lời Việt như thế là do chủ trương của Hội nghiên cứu Văn hóa Dân tộc khuyến khích).

2. Cũng nên nói thêm rằng, nếu đọc sách Hán về vấn đề Độn, Dịch, Tam Thao, Ngũ Lược, Thái Ất, Tử Vi mà không được người thông thạo trao cho cái chìa khóa giải mã, và chỉ cách thức sử dụng thì thật là dễ nản. Ở đây, học về Thái Ất mà nếu không có sách của cụ Trạng Trình dạy về thì không tài nào thành công. Vì một trong hai bộ sách mà tôi đã dẫn trên, chứa đựng nhiều con số rất sai lạc, những con toán tính sai, nhất là bộ Thái Ất số thống tông đại toàn. Mặt khác Thái Ất là thuộc phạm vi Đạo Học cần có duyên và có công phu tu dưỡng mới thu hồi được.

3. Thực ra, lúc sinh thời của cụ Trạng Trình, chính cụ cũng thấy Thái Ất thực là khó. Nó khó nhất trong các môn toán của tiền nhân. Bởi thế cụ Trạng Trình có soạn bộ Du Lỗ và viết bài tựa về Ngọc Tượng Huyền Cơ để giúp riêng những môn đồ nào có bộ óc không được xuất chúng. Riêng về môn Du Đô - Lỗ Đô, tôi có dịch ra rồi, và được cụ Trần Trọng Đạt cho biết rằng ngày xưa khi chỉ có các quan làm việc tại triều đình nhà Nguyễn mới biết và bí mật truyền lại cho con cháu, vì thế cụ tổ của cụ Trần Trọng Đạt mới chép tay được một bộ. Nếu đem so sánh với bộ Thái Nhâm mà sau này Lưu Bá Ôn sưu tầm lại và đã viết ra (khi tôi đến chơi nhà cụ Doãn, được cụ cho xem bản Lục Nhâm và cụ cho tôi mang về nhà đọc trong một tháng - gồm chừng 40 quyển – nên tôi có điều kiện đối chiếu với các bản Nhâm khác); khi đối chiếu với Kỳ Môn Độn Giáp (mà Khổng Minh xưa đã nhân đó lập thành “Bảng Ngọc Hạp thư”, để hàng ngày sử dụng trong quân ngũ), tôi mới nhận ra và thảo luận với cụ Doãn cùng các thân hữu trong Hội nghiên cứu Văn hóa Dân tộc một số vấn đề.

D. CHÍNH ĐIỀU DẪN KHỞI :

Điều I : Khoa Toán Thái Ất không phải gốc từ nhà Hán

1. Phép tính Thái Ất là tìm vị trí một số vì sao chừng trên dưới 20 vì, mà tên gọi lại phần lớn dùng xã hội nhà binh để đặt tên. Đọc bộ Quân Khuy - bộ Thiên văn học thời Tần – Hán, nghe tên vì sao Trời, biết ngay rằng sách đó do người Hán làm ra và từ đó được đem dạy. Vì đối với người Tần Hán, học thuật nào đã du nhập vào xã hội họ, mà họ hiểu được thì họ viết sang chữ Hán, rồi dùng một triều đình Hán, trong xã hội Hán mà đặt tên. Còn hơn thế nữa, vào thời Khang Hy, các khoa thi thường chú trọng vào người viết chữ nhanh và đẹp hơn là căn cứ vào học lực, được đậu Tiến sĩ, tuyển họ vào kho sách và viết sang tên các bộ sách, hoặc biến chế khác đi những danh xưng, châu quận... làm mất tích nguyên bản hoặc sai lạc đi đối với nguyên bản. Về điểm này, tôi có đến thảo luận với Giáo sư Nguyễn Hữu Lương – là người làm luận án tiến sĩ về 6 Triết học Đông Phương – đã được vào kho sách tại thành phố, để khảo chứng tài liệu của bộ Tứ khố Toàn thư, thì mới biết rằng môn Thái Ất học chỉ được nhắc đến trong Tứ khố Toàn thư như một việc điểm sách mà thôi, không cho ai biết thêm điều gì. Từ đó cụ Doãn đồng ý với tôi là học thuật Thái Ất không phải do người Hán mà có. Và cụ Doãn đã soạn bộ Lịch lấy tuổi Việt làm mốc các Giáp Tý và các tiết khí trong năm.

2. Lại thử giả thiết rằng: căn cứ vào bài tựa của quyển Thái Ất số thống tông đại toàn do bút hiệu là Nam Hoài, tức là “nhớ Phương Nam”, và đem ghép vào hoàn cảnh vua tôi Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Hoa trong hoàn cảnh đất nước Việt Nam thuở ấy – ta có lý do mà nói rằng bộ Thái Ất không phải do Hán mà có ... và sự sai sót căn bản về con toán trong sách đó cũng là có chủ ý – có lẽ viết ra là do bị bắt bí... và tương kế tựu kế.

3. Còn nếu đem bộ Thái Ất Thống tông Bửu giám (có bài tựa viết vào năm 1303 - thời nhà Nguyên cai trị Trung Hoa, tức vào đời nhà Trần đời Vua Trần Anh Tông (Hưng Long năm thứ 11) đối chiếu với bộ Huyền Phạm Tiết Yếu của cụ Trạng Trình ta thấy hai bộ sách này có phần giống nhau. Truyền thuyết cho rằng Kinh Thái Ất do dòng họ Lương Nhữ Hốt mang từ Vân Nam về và người biết nó là cụ Lương Đắc Bằng, thân phụ của ông Lương Hữu Khánh. Dòng họ Lương Nhữ Hốt gốc người tỉnh Hải Dương cũng là người đem nghề khắc in từ Vân Nam về áp dụng tại vùng Hải Dương. Và thời nhà Trần, chính Hưng Đạo Vương đã dùng Thái Ất để chiến thắng Mông Cổ, Nguyễn Trãi dùng “Thạch Đổ bàn” – tác phẩm soạn ra nói về Thái Ất - của ông để giúp Lê Lợi chiến thắng quân Minh.

4. Bài tựa cuốn Thái Ất dị giản lục của nhà bác học Lê Quý Đôn cho biết ông đã dựa vào bộ Đào Kim Ca (nấu vàng) của tác giả Khâu Tuấn đời Tống và lấy tài liệu của bộ Vũ bị đăng đàn và Thái Ất Xuân Thu để làm ra Thái Ất giản lục. Ông Lê Quý Đôn chú tâm kêu gọi các tướng binh, tướng văn cùng các nhà mưu lược tận dụng môn học Thái Ất để giúp nước. Ông Lê Quý Đôn cho biết Thái Ất được nhà Minh bổ chú thêm và ông Trương Hoa làm ra Thống Tông Kim giám thêm một phần vào gọi là Nhân mệnh. Thái Ất dị giản lục ghi chưa được một nửa Thái Ất thần kinh.

Điều II : Khoa Toán Thái Ất thống tất cả Đạo Học, lại thống tất cả mọi thuyết được truyền lại là Lục Nhâm và Kỳ Môn đã tán mát trong mọi nhà.

1. Tại sao môn Toán Thái Ất lại thống tất cả các thuyết cổ truyền cùng gốc ở Thiên Văn - Địa lý – Âm dương – Ngũ hành như Chiêm tinh học, Kỳ môn độn giáp, Lục Nhâm...

Chính trong bộ Huyền Phạm tiết yếu, cuốn 4, đã nói về Thái Ất một cách uyên ảo, xin trích câu trả lời “thống tất cả các thuyết cổ truyền của Thái Ất thần kinh”.

Mão tử nói: Lời của nhà thuật số là nghiêm chỉnh. Bộ Lục Kinh không còn ai dẫn lối; mà tổ được truyền lại chỉ nói là do các Tiên Thái. Nay Tiên Thái đã qua, Lục Kinh không còn được ai truyền nối. Đạo tán mát trong mọi nhà. Mỗi nhà dùng “thuật” mà “vận”. Nếu “vận” thấy hợp với “Đạo” thì có “nghiệm”. Vì thấy, “có nghiệm” nên đem truyền lại. Có ba nhà truyền lại rõ rệt nhất là : Thái Ất, Lục Nhâm và Kỳ Môn. Ba nhà này đều cho rằng do tiên sinh Tề mà có, rồi lưu lại cho Thủy Hậu. Nhưng vì lâu đời quá và do bao nhiêu biến thiên, thành ra không khảo cứu vào đâu được.

Đến như Lục Nhâm, lời Phạm Thiếu Bá nói như sau: Ta bảo rằng phép Lục – Nhâm đến nay đã đổi ngược lại, lời đoán không sát, cho nên không thể coi lời đoán đó do Tiên Thái làm ra.

Còn như Tề Thái Ất về lý lẽ thì đầy đủ, lại hợp với thuyết của mọi nhà. Vì thế khi nói đến ba nhà, phải lấy Thái Ất thống tất cả (vì lời Thái Ất có 9 tức là 9 số (chữ) của Thơ Lạc (9 số chữ - xưa gọi 9 thiên – là phép Vận Thức của Thái Ất qua Cửu Cung bát quái; kỳ pháp – xưa gọi là Phi pháp phi phi pháp - tức là phép Dẫn Một Cực Ba, rất huyền vi, sẽ nói ở sau)

Nói đến Chủ Khách, Đại Tướng, Tham Tướng, Thủy Kích, các loại ấy đều dựa vào việc binh mà đặt tên. Mượn “binh” để gọi ngũ hành, chứ không phải dùng ngũ

hành để gọi “binh”, vì rằng việc binh là việc thiết thực, cho nên nhờ đó mà soạn : Giản dị và minh bạch. Nếu không có đặc tính minh bạch và giản dị, thì chẳng dám “toán về miếu đường” (thành toán Miếu đường: “Đã hay thành toán miếu đường, giúp công cũng có lời nài mới nên” hoặc câu : “Phi phù, trí quỉ cao tay thông huyền” (Truyện Kiều). Nếu không có đặc tính rõ ràng và đầy đủ, thì chẳng dám tính “khối” bày “ấn” (Thái Ất có 72 cục (khối) dương, 72 cục âm, xếp thành đồ bản), đoán “trận” ví như đoán “còn có binh tới nữa vậy”. Nếu như suy xét để bày trận là không ngoài việc phải y cứ vào lý thuyết, mà lý thuyết tức là lời xét định. Nếu lời xét định có quá, thì lỗi không phải do lý thuyết. Vì thế khi gặp trận, phải xét định như lời của Thái Ất. Còn như việc làm bùa phép, tế đảo thì Lục Kinh không dạy. Sách Lục Kinh nói: Nếu bói toán, cáo với thần linh, tế, đảo là thế tất phải xảy đến như vậy thôi.

Tất cả những lời kinh Thái Ất chứa toàn là những qui luật và lời xét định có tính chất “ước lược”, còn tuyệt đối không dạy những điều không rõ ràng”.

2. Tại sao khoa toán Thái Ất “thống tất cả Đạo Học”?

Tất cả những gì chứa đựng trong bộ Huyền Phạm Tiết Yếu là câu trả lời: Đạo học chứa đựng trong học thuật Thái Ất. Đạo học xuất phát từ đời 12 Thiên Hoàng, mà sử sách chỉ còn truyền lại qua cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử (Lão Đam) – Lão là dòng họ Lão Long Cát, và Đam tức là Người theo tiếng Thiên - Việt hóa ghi trong kinh Zend Avesta. Cụ Lão Đam đã gọi Đạo học bằng danh xưng :Đại âm hy thanh, mà giản dị nhất là câu ghi trong Dịch hệ từ truyện: “Đạo học là học về âm dương điệu hợp”.

3. Phân giải mệnh đề Thái Ất là một đại ẩn số đòi hỏi sự hiểu về cả Lý, cả Số. Lý là định luật Tổng thể khám phá vũ trụ sinh mệnh. Số là “Độ - Số” và “Chữ - Số” gói trong Cửu cung (hay Cửu Trù) Bát Quái. Lý và số đồng thể dị thanh với Huyền Phạm, mà Huyền cũng đồng tông với Hồng cho nên “Huyền Phạm” cũng là “Hồng Phạm”, lại đồng tông với “Thái Ất”, đều do các Tiên thái hội đồng với nhau để làm ra môn học dạy cách sử dụng thích nghi định luật cho hòa hợp vào Đời mà không xa lìa gốc tam Tài, nói cách khác: Vũ trụ biến hóa theo Độ, vũ trụ có số lịch tùy thời hiện ra bằng các hiện tượng (hiện tượng là tượng và số), mà tiếng Thiên - Mỹ ngữ gọi là Akasha, Lão tử gọi là Hydivi - Việt ngữ là Ý trời, khoa học hiện đại gọi là “phản vật chất” hoặc Plasma. Tiếng gọi gần giống với ý trời, đó là : Thái Dịch – Thái Tố - Thái Sơ hay Thái Thanh. Chỉ lấy “Siêu - Sắc - Tượng – Tâm” mà lãnh hội, và nọi gọn lại là Đạo.

Để gợi vài ý tưởng tương đối giúp ta lãnh hội, xin nêu ra ít nhiều điều có “hệ thống Dụng” của Đạo học truyền qua học thuật Thái Ất.

Hệ thống Dụng có 5 điểm then chốt, diễn tiến như sau:

Điểm 1: Thái Ất nêu lên Định luật biến hóa vô thường và thường hằng.

Điểm 2 : Thái Ất xét nghiệm khí hậu và nêu ra Khí tượng học thường hằng và vô thường. Có thường hằng là áp dụng cho nông nghiệp, sau đến công nghệ, đủ mặt đủ chiều : vượt xa, vượt sâu vào khám phá không gian, biển cả, rừng sâu... khiến gây nên được những tác dụng phản ngược, giúp con người khuất phục phong ba lũ lụt, gọi là tránh được nạn dương cửu bách lục. Vô thường là gây nên “chiến

tranh khí tượng”, cần có tri cơ để đề phòng. Thường gây được “Hưng” và tránh được “vong”. Vì có đại tức thì được Hưng Xương mà trí trá thị bị vong, bại.

Điểm 3: Thái Ất xét nghiệm việc trị hay loạn, giúp cho tướng văn tướng võ có khả năng thi hành nhiệm vụ, gọi là “Phụng thiên” cho hợp “nhân - vật - tinh” ban đức “hành chính” cho thuận lòng người. Nói cách khác, lấy “Thiên đạo” theo vận “Cửu cung”, vì Thái Ất có biệt danh là Danh số Thiên Can, là Thần Trời Đất ngự tại “Nam tinh”, là huyền danh “Kỳ Môn”, là “tinh thần Trời Đất tiêu tức”, nhờ đó mà gọi là môn Thái Ất Thần Kinh, tức là gồm cả vô thường và thường hằng.

Thái Ất dùng “cung” làm “kinh”, lấy “tinh” làm “biến”, cho nên nó xét nghiệm cả diễn tiến lịch sử xã hội loài người, và vì có “Lý Thiên”, “Lý Địa”, “Lý Nhân” nên trời đất và muôn vật nêu ra, biết được hưng vong thế cổ kim, như câu thơ của Trạng Trình:

Ngư ông bất ngộ Đào nguyên khách,

Khởi thức hưng vong thế cổ kim.

(Ngư ông ứng người “đến bên tìm Đạo” mà khách Đào nguyên ứng các vị “Tiên Thái” ví như Thái Công Vọng, nếu không nhờ Thái Ất của “Cửu Thiên Huyền Nữ” (Ngọc Tướng Huyền Cơ) truyền cho, hay như Trương Lương, nếu không được Hoàng Thạch Công truyền cho khoa Thái Ất, thì làm sao mà đời các ông đó biết được Tam lược Lục Thao để xoay vần thế cổ kim, khiến đời sau khâm phục Đạo nói chung và Đạo làm sáng mắt lúc lược trận.

Thế là Đạo tàng ẩn trong Thái Ất, mà biết lẽ “tàng ẩn” là có đức “Thông thần”, ứng được “Lý người” làm đẹp nhân tâm, biết được “tinh vận vật” chu lưu ở dưới, thế mới là thuận với “Lý trời”.

Nói rộng ra Nhân lý: “cơ – nhân - thể”, sống động như câu thơ của Phạm Đình Hổ: nhân vật nhất sinh cơ dã, nhị hữu cổ kim chi dị (người – vật đều cùng là một tiểu vũ trụ “sống động sinh tâm vật lý” chứ không phải lấy cơ khí mà thay thế), vậy phải hiểu lẽ Siêu - vật – lý là có Sinh – tinh – tâm - vật hòa hợp trong nấc thang tiến hóa màu nhiệm mà tiếng nói thời đại gọi là Cận – tâm – lý.

Điểm 4 : Binh pháp phải từ Thái Ất mà có ra, được nghĩa như Vô thường. Thái Công Vọng nói : Thuận “Đạo trời” chưa cát, nghịch “Đạo trời” chưa hung mà mất nhân tâm thì ba quân bại.

Tôn Tử nói: Miếu toán là tướng giỏi kinh Đạo. Tướng giỏi công địch là huy động toàn quân ở “Cửu Thiên” (cửu thiên tức 9 số mà Thái Ất vận thức). Cửu Thiên xem như Đại Đạo, gồm:

Đạo thượng là Trí và Số - Tượng.

Đạo trung là Nghĩa và Số - Thuật.

Đạo hạ là Thể và bát trận.

Thể tức là Thời mà “Đạo thời” là “Kể mưu” từ “5 tới 9 biến”. Vậy Tướng số hợp chung làm ra “Binh kinh”.

Binh kinh gồm có “Kể Thiên”, “Kể Thời”, “Kể Thần” và “Miếu Toán” (4 cụm từ này là thuật ngữ của Thái Ất).

Vậy là Thái Ất cao hơn Binh pháp vì nó sinh ra Binh kinh. Cụm từ Tướng số đúng nghĩa lý xưa lại là Thái Ất Thần Kinh.

Vấn đề đặt ra là: Đừng cho Thái Ất là dị đoan mê tín (sẽ được bàn sau)

Điểm 5: Thái Ất xét nghiệm mệnh số con người

Mệnh là chính sự sống. Sự sống là một chu kỳ được tính từ lúc còn trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng, qua tuổi thơ, tuổi trai tráng và lúc về già, trong đó mỗi một kỳ là một hạn. Hạn chung là 25 năm, gọi là một hạn thường, trong hạn thường này được gặp phúc, hay bị gặp họa, đều do con số tiêu chuẩn và con số dương cứu bách lục đo mà biết được, định luật không sai, với điều kiện là: biết rõ lý do mấu chốt, lấy mức độ hòa làm tấm gương, hay làm một biểu đồ thị của định luật thiên nhiên: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, giống như chu kỳ 4 mùa tiết của một năm, do Vũ Trụ Tuyến chuyển vận và phú xạ xuống thành ra các chu kỳ của trái đất liên hệ trong Thái dương hệ.

Càng rõ định luật và chu kỳ các vì sao vận xoay theo độ số, ta càng có thêm ý thức sự hiện hữu của Ta, của cái không là Ta, và cái Nó, trong lúc thường, tức là lúc thuận, trong lúc vô thường là lúc có nghịch cảnh. Ta biết rõ chân lý của sự sống là cái mà xưa nay quen gọi là “Mệnh số”, tức là sự sống không phải là một ngẫu nhiên hay một ảo ảnh, mà có mục đích cao cả thiêng liêng. Trước hết, đó là ta làm chủ sự sống của ta, sau là ta phải phát huy cái khả năng mà ta cảm thụ được, trở nên siêu việt, trong đó các yếu tố tạo nên “tài mệnh dồi dào cả hai” là:

Nhìn sáng suốt - gọi là “thông minh tính Trời”, mà ngôn ngữ hiện đại gọi là : lực thấu thị (clairvoyant).

Tài chiêu cảm và tiếp cận luồng vũ trụ tuyến, nay gọi là thần giao cách cảm (Telepathy)

Tài tu ý, hay tài trực quan, trực giác do suy tư chiêm nghiệm tâm linh mà quán triệt, quen gọi là trầm tư mặc tưởng. Tài năng siêu việt này, gần được gọi là quyền năng “thông thần, xuất quỷ nhập thần”: “cao tay thông huyền” bằng nhờ thấu triệt được chu kỳ của vì sao phi phù, vì nó xuyên tới cửa “U Minh” là nơi hội tụ của “loại tư tưởng” hiện hình dưới dạng quỷ ma (“Phi phù trí quỷ cao tay thông huyền” (K)). Ngôn ngữ ngày xưa gọi là “Tri cơ” là kẻ biết trước (tiên tri) dạy kẻ biết sau (hậu tri), nay tương thể với Anh ngữ (precognition) liên kết với (psycho kineses), và quốc tế hóa là “cận tâm lý”, hoặc “khả năng dự báo” cộng đồng.

Khả năng cao nhất là biết được cõi ba sinh trong “Vũ trụ Thời Không là một”, nhờ tu tập luyện chứng mà đạt “cái lối tu dụng” này. Ngày nay thường nói là: có trí nhớ từ muôn vàn kiếp trước, khả năng nhận thức quá khứ mau lẹ và chính xác, tài giỏi về môn Chiêm tinh học. Tử vi học hoặc được gọi là các Thần đồng là các người

biết được các thần lực vũ trụ sẽ hay đã xê dịch vào ngày ứng lịch số, để các luồng vũ trụ tuyến rọi xuống trong độ số liên hệ của hệ thống các bầu tinh tú thích hợp trong chu kỳ với cường độ mạnh yếu, sâu nông, tạo nên luồng trạng thái, hiện ra qua các hiện tượng có sức tụ hội, gây ra các biến thái mà cái biết của con người vẫn còn là “lỗ hổng đen” lớn đối với các hiện tượng. Thế nên Thái Ất học đâu có trừu tượng về lý, lại khá chính xác khoa học. Vì thời gian mà Thái Ất tìm về gốc quá khứ, nếu tính đến năm Canh Thìn (năm 2000dl) là có con toán = $10.155 - 917$. Đó là con số “Tích tuế” tính ở điểm “Thất Diệu tề nguyên” nghĩa là ở thời có hiện tượng 7 vì sao cùng đứng hàng ngang với mặt trời và mặt trăng, có biệt danh là “Thượng cổ Giáp Tý”. Nhắc nhở lại các “Giáp Tý còn biệt danh là Thiên Quan” mà thơ Kiều rằng: “Thiên Quan Trùng Tể có bài treo trên”.

ĐIỀU III. Thái Ất thần kinh là Định luật Tổng thể Vũ trụ:

1. Về năm, theo một chu kỳ 60, mới xảy ra một lần Giáp Tý. Về ngày, cứ 60 ngày mới có một ngày Giáp Tý phục sinh. Vậy một Giáp Tý đã có biệt danh là Thiên Quan, thì Thượng cổ Giáp Tý cũng là Thượng Cổ Thiên Quan, là lúc xảy ra hiện tượng “các bầu Vũ trụ tuyến” làm tấm gương bầu trời chiếu rọi ra một biểu đồ thị chân lý khoa học số một duy nhất và toàn diện về sự thăng giáng, thịnh suy của vũ trụ sinh mệnh, của từng cõi đất nước, từng cõi con người mà ta gọi tắt là Thái Ất thần kinh.

2. Người xưa quan niệm “Tàng Đức” cầm đầu Dương Đức và Âm Đức, tức là luồng Vũ trụ tuyến, hay là Định luật thiên nhiên. Con toán hay con số được Pythagore gọi là qui luật của vũ trụ, chính là biểu hiện các thuộc tính của các qui luật vũ trụ. Như thế, con số toán đóng vai trò hướng dẫn cả về không gian, cả về thời gian, làm luật cân bằng (thái hòa) toàn diện vũ trụ.

3. Con toán là Tổng thể sự biến hóa hay sự biến dịch. “Nhân” thì có 9, “quả” thì có 10. Nhân coi như số sinh và quả coi như số thành. Từ Nhân đến quả còn biết bao nhiêu cái “biến”. Trong con toán từ Một Cả - tức Thái Ất - đến vô cùng, không tài nào biết được hằng hà sa số cái biến! Đâu là Vô Thường? Đâu là Vĩnh cửu? Trong “Số” thì “Tượng” lại là gốc. “Tượng” thấy rõ hơn “số”, nhưng vì có vô tận, vô số hiện tượng nhìn thấy được trong trời đất và nơi chính bản thân nên thân ta và thân vũ trụ chính là một thông số, tức là một “tượng số” trong một Đại ẩn số Thái Ất.

Thái Ất nghĩa là một tổng thể. Một tổng độ số hay một Thống Tông Đại Toàn, nói cách khác:

Thái Ất thần kinh là một cung số (Tượng số) Đầu Cả, dẫn dụ ta bằng một phương pháp suy tư về sự sống bao la vạn hữu, tiếp nối mãi mãi mà ta tri cơ được.

4. Từ trong từ ngữ “Tượng” và “Số”. (Hiện tượng quan sát được và đo đạt được bằng ghép đo số, đo độ bằng toán học hình học không gian) mà từ khi xuất hiện thêm cụm từ “Thuật số” gốc đo Âm Dương theo độ và số, để học về cái học Thiên văn (Tinh Tượng) và địa lý (phong hậu, khí hậu, thời tiết) và môi trường (phong thủy) đều qui về những Định luật tổng thể - xưa gọi là Huyền Phạm hay Hồng Phạm - vì có những phạm trù toán - triết - sinh - mệnh học - xếp theo dãy hoặc 6 số, hoặc 9 số (lục thiên, cửu thiên), để truyền đạt những kinh nghiệm truyền

thống và truyền tiếp Tinh – Sinh – Lý Vật – Nhân – Tâm - Thần – Khí – Lý – Hóa – Nhiên – Nguyên Sinh.

5. Cái học Thái Ất thần kinh từ đó quá cao xa tinh tế, dù nó đã được thịnh hành và tô điểm nên một thời đại cực kỳ thái bình thịnh trị qua ba bậc Thiên Hoàng cuối cùng của dãy 12 vị Thiên Hoàng. Duy chỉ có sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử, ở thiên Mở Níp mới nói về Vua của loài người, từ khi người ta sinh vào hội Dần. Một hội hay còn gọi là Đại Nguyên, được tính là chu kỳ 129.600 năm dl, theo lối tính của Thiệu Khang Tiết, trong đó gồm có 5 năm Platon; $25.920 \times 5 = 129.600$ và gồm 30 lần có nạn dương cửu bách lục: $4320 \times 30 = 129.600$ năm, hay là gồm 1.800 lần chu kỳ Thái Ất: $1800 \times 72 = 129.600$. Một Đại nguyên gồm 3 nguyên, nguyên có 43.200. Vậy 3 lần $43.200 = 129.600 = 30$ lần nạn dương cửu bách lục là đại biến ra Khí Vô cực. Nhưng theo con số thành theo thập phân, thì một hội lại gồm có 10 kỷ, công lại thành 276 vạn năm.

Mười hai vị Thiên Hoàng ấy được kể tên:

1. Vua Dong Thành tức Adam (A = đầu, Dam = người)
2. Vua Đại Đinh thời Hữu Viêm làm Viêm Đế.
3. Vua Bá Hoàng.
4. Vua Trung Ương.
5. Vua Lật Lục.
6. Vua Ly Súc.
7. Vua Hiên Viên.
8. Vua Hách Tự.
9. Vua Tôn Lô

và ba Vua cuối dãy:

10. Vua Chúc Dung.
11. Vua Phục Hy.
12. Vua Thần Nông – làm Viêm Đế.

Và người xưa tính thời kỳ Thần Nông chấm dứt vào thế kỷ V trước C.N thuộc đời Lỗ Ai Công và ứng vào kỷ nguyên mà ba vị chân sư Đông phương xuất hiện: Thích Ca, Lão Tử và Khổng Tử.

Thế mà thời Thần Nông mang biệt danh là Kỷ Thông Thiên với Đấng chân sư Lão Long Cát được đặt tên là Di hi vi ứng với “Đại âm hy thanh” của Lão Tử mà ta đã chứng minh rằng đó chính là đức Thần Nông của thời Thông Thiên đã phát huy

thêm vào cho Kinh Huyền Phạm – Thái Ất thần kinh là môn học Dịch Liên Sơn Qui Tàng - mệnh danh là “Dịch phái Nam học” (phát triển huy hoàng tại hai thời nhà Lý và nhà Trần ở nước ta). Từ thời Thông Thiên, các bậc Tiên Thái như Chúc Dung, Phục Hy, Thần Nông đã hưởng mệnh Thái Ất từ đấng Tiên Hoàng thứ 7 là đức Hiên Viên truyền xuống, lúc đó chưa đánh mất nguyên lý biến hóa mà thời thông Thiên đã truyền dạy. Nói một cách dễ hiểu rằng môn học Thái Ất đã biến ra “tri lai” thì ít mà “chiêm bốc” thì nhiều, và cuối cùng biến cả cái học Thái Ất chuyên học về Thiên văn Địa lý, thành môn Chiêm Tinh, trong đó thuật bốc phệ nắm hết quyền biết và quyền quyết đoán “Hưu Cửu” một cách võ đoán.

6. Ta sở dĩ phải nói đến phép bói toán đã biến “thuật số chính nghĩa” thành nghĩa thông tục. Vì phép sử dụng của bọn tham ngu về thuật số trong việc binh, việc hành chính để thành nhân mưu, nhân sự, giả thác, giả dối. Bọn giang hồ hảo hán, mưu sĩ đủ loại cầu cơm, cầu danh đã lợi dụng thuật số chính nghĩa bằng kiến giải, bàn luận võ đoán mà hão huyền.

Thuật số chính tông để giữ “Cơ Vi” lúc chưa phát. Cơ Vi theo thuận hay theo nghịch. Nếu theo thuận là hiểu nghĩa như theo số, vì số là thuận. Nếu theo nghịch là hiểu nghĩa rằng “tri lai”, đồng tình thể với “Cư Dị” để tiếp đón sự sống. Nói tóm tắt, hiểu từ nguyên “Thuật” chính nghĩa là một phương pháp rất vi diệu qua câu thần diệu: Phi pháp phi phi pháp.

7. Thái Ất thần kinh là một học thuyết của Tiên Hiên, Tiên Thái, truyền lại từ 12 Thiên Hoàng, phát triển cực mạnh từ thời vua thứ 7 Thiên Hoàng Hiên Viên, đến hết thời Thần Nông, thì khoa học này bị tàn mất, bị pha trộn với Lục Nhâm, Lục Đinh, Lục Mậu, tứ Bạch rồi từ sau Tần Hán, lại bị pha trộn vào Dịch Tượng Số, Sấm Vĩ, Cổ Vĩ thư, Hà đồ, Lạc thư, Hà lạc, Đồ sấm... với lối giảng nghĩa một cách võ đoán táo bạo của Hán Nho rằng:

Đồ xuất hiện ở sông Hà đời Phục Hy

Thư xuất hiện ở sông Lạc đời Hạ Vũ.

Không có phản ứng gì trước lời võ đoán táo bạo, lại chấp nhận ngoan ngoãn rằng đó là sự kiện lịch sử hiển nhiên. Vậy đầu mỗi gây nghi ngờ cho học thuyết Thái Ất mà thánh nhân mang tội gây dị đoan mê tín, chính là sự giải thích một cách võ đoán và ngu tối.

Đúng thật, Hà Đồ, về ý nghĩa, mãi tới đời Thiệu Khang Tiết mới được rõ ràng rằng: Đó là sao trời và Hà chỉ sông Ngân Hà, tức là các bảng vẽ sao trời xếp theo Thiên văn học, trong đó giải Ngân Hà là tám gương hội tụ các sao trời, với các chu kỳ phú xạ luồng vũ trụ tuyến theo 9 cấp. Ngôi sao mà có ảnh hưởng, có liên quan bậc nhất trong các Thái Dương hệ, được mang tên Số Một đó là Thái Ất. Vì trong giải Ngân Hà không biết bao nhiêu hệ thống Thái Dương hệ.

8. Vì thế người xưa dùng thuật ngữ Đạo học để diễn tả bầu trời Thái Ất, vẽ ra 16 cung thần biến hóa.

Thuật ngữ Đạo học lại chứa ẩn trong Lạc thư. Vì sách Lạc hay Lạc Thư gốc ngữ nguyên là sách Thần (thuật ngữ Đạo học còn gọi là Lạc thư là Qui Thư = sách

viết chữ trên mu (lưng) rùa gồm phép sử dụng 6 số, mà 6 số là biệt danh của Khôn Nguyên, phối kết với phép biến hóa của 9 số (9 thiên) mà biệt danh là Kiền Nguyên hay Hà Đồ. Sự phối hợp này mang danh là Huyền Qui hay còn gọi Huyền Phạm, hoặc Hồng Phạm, tức Thái Ất thần kinh. Bởi thế nếu cứ lấy nghĩa lý tự nhiên của Hán tự, Hán văn mà hiểu được Huyền Phạm – Thái Ất thần kinh là điều không thể có được.

9. Tại sao gọi là Thái Ất thần kinh?

Chỉ một từ “Thái” với một từ “Ất” đã bao hàm đủ tất cả nguồn tri thức luận của con người mà Đạo học tức là nguồn tri cơ rốt ráo (đại vĩ mô) nhất trong trí thức luận. Vì Thái Ất thuộc Đạo học, một bài học lớn nhất về Vũ Trụ và Nhân sinh mệnh, qua các kinh nghiệm về chu kỳ thiên văn học, địa lý học, môi trường học, toán tinh tượng, âm dương tiêu tức, cửu cung, bát quái, hành kim trong thiên nội, quái ngoại vận quĩ cung trị thiên ngoại, theo trục Hội Tam Nguyên vãng phục, Tứ Tượng kinh hành Tinh Tượng Thiên Uy 8 cõi, xét định bản tướng Nguyên - Hội - Vận - Thế - Nạp giáp Bát quái, Thiên Phù 55, Thiên bào 45 cộng phối hợp nên Bát Quái Cửu Trù, hữu hình sinh trong vô hình, thiên địa hàm tinh, vạn vật hóa sinh, thời gian trừu tượng – âm tính - nằm ngủ trong thời hạn vô cùng - gặp biến hóa làm sự sống muôn thuở - và vì có biến hóa mới làm ra Người. Nên Người đứng thực có gốc biến hóa ở định luật Dân Một Cực Ba – thành ra 4 Thái: Thái Dịch – Thái Sơ – Thái Thủy – Thái Tổ, hàn gắn làm 4 hạn kỳ: trẻ, tráng, già, chết. Vì đầu không biết khởi từ đâu thì gọi là Mệnh (số bắt đầu). Cuối không biết hết ở chỗ nào thì gọi là Hóa (tử). Vậy Mệnh Sinh và Kiếp Hóa hoàn toàn là một số âm số tức là không có thời hạn thực, mà nếu có thực một thời hạn thì đó nghĩa của cụm từ Luân hồi – nghĩa biến Luân hồi xuất sinh ở cụm từ Chu kỳ (Chu kỳ nhỏ nhất là một Satna, một ngày đêm gồm 6 tỷ 400 triệu Satna, và 99.980 Satna tương ứng với 2 tỷ 444.4000.000 Hốt Mạng Vi). Một nhịp đập của trái tim, như một chu kỳ tinh lực của một “Sinh Cơ” tiểu Vũ Trụ tinh linh khí đã bị đầu thai làm người. Nghĩa là đã bắt đầu vào cuộc biến hóa của chu kỳ nhỏ 72 của Thái Ất hành kinh, tạo nên con số trung hòa của nhịp đập sự sống con tim loài người bình thường. Con người là Cái Ta thường (Tagatha) hay gọi là Bang Ta Tử của Đạo học, mà đồng thể với “sự phủ nhận cái ta”, gọi là Anatta, vậy nên có “cái tôi”, và có “cái không tôi”, cái không tôi lại là “cái nó”, hoặc nói gọn là Đại ngã. Vì thế Đạo học là học về Cái Tôi, Cái Ta diệu kỳ là Địa cầu; trong đó, trục địa cầu gồm có Nó và Cái Không Tôi = Lai cái = Du ti.

Địa cầu thì tròn đầy chứa bao nhiêu cái Bang Ta Tử - tròn đầy mà lòi ra kỳ diệu thành một ADI – NIDANA – SVABHAVAT, nghĩa là một cái vòng vô bờ hay cái cung không số và tối đen. Tuy vòng không số, không bờ, nhưng “hàm tinh số 100 trung hòa” của Thiên phù và Thiên Bào: qua 4 Thái, là khi đem vào dùng thì số Trời Đất Đại Diễn có 50 nhưng dụng có 49, vì luôn để dành số Một Cả, mà gọi là Thái Ất thần kinh: Thái Ất kinh vòng qua cái vòng vô bờ tối đen tạo ra thời giờ lịch pháp.

10. Ta chứng minh dị giản tức là lấy Cư Dị mà xét số Thái Ất kinh hành tạo ra giờ. Thiên phù có 55 + Thiên Bào có 45 thành số 100. Lấy 4 Thái làm tứ tượng (Lão Dương, Thiếu Dương, Lão Âm, Thiếu Âm) để chia đồng đều được 25. Xếp 4 thái về Lưỡng Nghi, rồi cộng các số lẻ, các số chẵn trong dãy 10 số như sau: $(1+3+5+7+9)+(2+4+6+8+10)=55$.

trong dãy 9 số như sau: $(1+3+5+7+9) + (2+4+6+8) = 45$.

Vậy con số Đại Diện cư ngụ ở 50, mà sử dụng bốc phệ 49 luôn luôn dành lại Số Một Cả - tượng hình, tượng số là Thái Huyền hay Huyền Phạm mà Ngọc Trưởng Huyền Cơ biểu lý, biểu hình, biểu số, biểu tượng, biểu tương, biểu thanh làm nên “Nghĩa” diệu kỳ của Thái Ất thần kinh (“Nghĩa” ở đây gần như một tập thể từ đặc biệt triết lý: Đầu Mối).

Điều IV : Cái Một Cả Vô Vi, Vô Tận, tự làm Nhân Quả - Biểu Lý và Tượng Tư lẫn cho nhau, đây là Thái Ất thần kinh.

1. Tượng số là Hình học Vũ trụ biến hóa từ vô cực sang Thái cực, tức là Châu Vô Diện Hữu, tượng làm Thái Huyền cung (Thái Huyền Kinh), khởi mệnh từ Ngũ Thể/Ất/. /Ất/ đồng thể với 11 điểm ngũ như sau:

a. /ADITI/ - trong Kinh Vedas - chỉ bảo ta hiểu là Ánh sáng ban đầu chiếu soi thế giới hiện tượng /AKASHA/.

b. Kinh Zohar gọi “Con Một của Cha” là /ADI/.

c. Tiếng nói của dân AKKADIEN gọi Hóa công, Cha Tạo công là /AK/, /A/.

d. Tiếng Cổ Ảập gọi hệ thống con cái của Cha Hóa Công /AD/ bằng các từ /AD-M/, /HAVA/, /EVE/, /EDEN/.

đ. Các dân tộc tại Trung Á – Âu gọi Thần Linh bằng các từ nguyên: ASTRE, ASTER, ASTRUM, ASES, ASIR, ASIA.

e. Người Phénicien gọi Danh Xưng đồng thể /DIEU/, bên Pháp ngữ là /ASE/.

f. Người Bắc Âu dùng ngữ thể /AD/ /ON/ hay /ADONAI/ để chỉ ý niệm “duy nhất” - độc hữu, hoặc chủ nghĩa “thứ nhất”: tối cao, chỉ “Chúa Duy Nhất” của người Syrie là /ASTER’nt/, /ASTARDE/, /ASAR/ /ASTAROTH/.

g. Đại Chủ Thần của người Babylon là /OSIRIS/, /Mardouk/.

h. Trong sách Enoch gọi thần là AZAZEL – Asgard.


i. Theo người Araméon gọi cái Một, độc nhất, duy nhất là /ADAD/

k. Theo Lạc Thư Việt tộc gọi Thái Ất là Số Cực Cả tức Một Cả.

Xét ra từ nguyên thể mà đồng thanh đồng thể với /Ất/ trong cụm từ Thái Ất, hay Giáp Ất, mà các dân tộc ngày nay còn mang dấu ấn là duy nhất, thứ nhất, thần linh, tạo hóa... đều có một từ vựng căn bản chung: vòng tối, không bờ, không số mà tròn đầy viên mãn, lại biến hóa từ ở một Hồn Nguyên Nhất Khí (Hồn Vũ Trụ - Siêu tâm sắc tướng) cổ ngữ gọi là AKASHA với ý rất rõ ràng là luôn luôn đổi mới hay là vũ trụ hiện tượng.

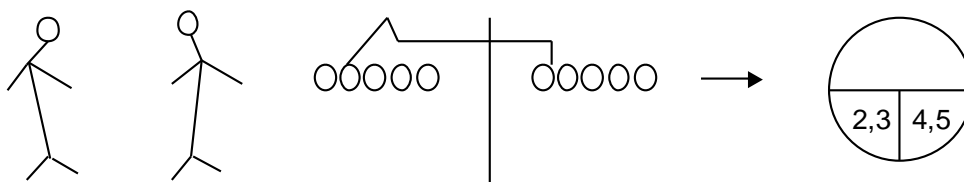
2. Hồn nguyên nhất khí luôn luôn đổi mới làm vũ trụ hiện tượng:

Khi 4 nguyên tố tự nhiên hợp với khí Vô Cực hay là khí Tiên nhiên “Ether” trong cõi Plasma hay AKASHA – quen gọi là Mẹ Vũ Trụ hay Hồn Vũ Trụ, có tính lai cái Dutì hay Yogi, bị tỏa ra từ ở vật chất vũ trụ, tức là đang biến hóa, chưa thành hình tượng nhất định, mà chỉ là hình khối như: khí mây, khí điện, khí bóng, khí bọt như đám thần vòng vo xoắn ốc, như đường thẳng biểu tượng là Số Một, hình khối cầu, khối vòng, khối ba góc, khối 4, khối 5 cánh dưới dạng hình biểu số, biểu hiện tượng, biểu ứng:

| | | | | | | | | | | | |
|---|-----------|---|---|---|---|---|---|---|---------|---|--|
|  | Hình xoắn | | T | | △ | □ | ★ | | ⊠ | ⊙ | |
| Ứng số | ① | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ | ⑥ | ⑦ | Lại cái | → | |

(3/9), (6/12), (5/10) là hình tượng của vật thể như hình:

Cái cây mang 10 quả:



làm bội số chung nhỏ nhất trong tập hợp

Vì có biến mới sinh ra sự sa ngã của EVE = ϕ = chân khí. Tức là thời vật chất đã đi vào các thể hệ của các đợt tiến hóa mà sinh ra số Một (AD – AK) → Thái Ất – Thái Cực → Hai Mâm (Lưỡng Nghi) Một biến làm 7 (hoàn tất). Bảy biến (Phục biến) làm ra Thái tức là “Cửu” dưới hình tượng biểu số tiến thoái = π = số vô cùng $0 = 3 = \Delta = \text{số } \pi - \text{số cực } \alpha$. Vì cùng cực số thì phải biến = có biến, có Thông → Tiến thoái → Thăng Giáng → Dịch.

4 nguyên tố: Trời lấy ① sinh Nước - Đất lấy ⑥ để thành lập Nguyên sinh (Thiên bào).

Đất lấy ② sinh Lửa - Trời lấy ⑦ hoàn tất Biến hóa.

Trời lấy ③ sinh Gió - Đất lấy ⑧ hoàn thành hình Cong + thẳng của 8 phía.

Đất lấy ④ sinh Kho tàng - Trời lấy ⑨ làm cùng cực cuộc Biến và Phục Biến.

3. Như vậy, Hồn Nguyên nhất khí không phải ở Vật chất nguyên thủy mà ở Vật chất tổ hình ra rồi, tức là từ Thái Sơ đang ở quá trình chu kỳ làm Thái tổ, nghĩa là vật chất phản vật chất - chỉ thấy trên bình diện hiện tượng (hiện ra sắc tướng).

Vậy Khí đã thành hình tượng sắc – có khối đo đạc được và từ đó các nguyên tố thiên nhiên theo 4 qui định Sinh số và Thành số từ 1 tới 9.

Luật thiên nhiên tổng thể sinh thành và phục biến tức là sức chuyển động không ngừng nghỉ. Và hiện tượng ngưng lại chỉ là sự cực đang biến từ hình này sang hình khác, và đổi hóa chất cũng xảy ra cùng lúc với đổi hình, và đó là biểu tượng trong ba tình trạng diễn tả bằng ba hình ảnh trên đây, diễn tả sự so rút, giản nở từ trung ẩn ra ngoài, tiến từ 1 tới 9 và thoát từ 9 về 1, mà trung ẩn diễn tả cái Tâm Nguyên Thái Cực – Thái Hòa – Thái Ất từ đó Thái Ất thần kinh chính tả Trung tâm vũ trụ - hay là Siêu Tâm Đại Ngã- tức là ẩn số chứa thuận nghịch.

4. Trong cái Tâm ấy có một nguồn Không Thanh mà ở trạng thái Thái Thanh hay gọi là Nguyên khí – Chân khí – Thông thiên.

Tiếng nói nơi xác thân đều gốc bởi cụm từ Thông Thiên (thiện thông) trong Đạo Học.

Thiên hay Thiện chính truyền do các bậc Tiên Thái truyền lại được ghi trong Dịch hệ từ thượng truyện rằng: Một âm, một dương (khí lưu hành điệu hợp) gọi là Đạo: tiếp nối được Nó (cái Đạo ấy) thì gọi là Thiện, mà thực hiện được Nó (cái Đạo ấy) thì gọi là Tính.

Trong câu trên có 3 ý rất ráo về Đạo học:

- Đạo là nghiên cứu, chiêm nghiệm về khí Âm Dương.

- Thiện là tiếp nối được Đạo học.

- Tính là thực hiện, thực hành điều mà Đạo học đã truyền thông cho (thông thiên), đã dạy cho bằng sự tự chiêm nghiệm, tu tập theo phương pháp Vô ngôn trong tâm truyền.

Vậy căn bản ngữ nguyên Thiện được thiết âm thành ra bởi từ nguyên Thiên, đều có tinh nghĩa là thừa đón, thừa kế, tiếp nhận một cách chân thành để mà “noi theo” (thực hiện), mà bảo tồn và di truyền lại cho các thế hệ con cháu về sau. Việc thông thiên như vậy tức là đời con theo nối nghiệp cha, và truyền lại cho đời sau để

thực hiện được chân khí – nguyên Đạo, thì gọi là Tính và Tính thiện đều xuất từ tám lòng chí thành, chí tĩnh, chí thanh.

Vậy Tính cũng đồng thể với Căn là gốc, là nguồn. Căn gốc, nguồn Đạo đều ở sự chân thành của con tim. Vì con tim mở đóng đều do cái then núm mà Đạo tâm (Đạo học về lòng chân thành) phát động ra các tàng đức, âm công, tức là tự giác ngộ trong mọi hành vi, tư tưởng, suy tư, cảm xúc, tiếp cận xã hội.

Nói rộng ra Tính - Thiện (hay Thiện tu tập) của Đạo học đã có gốc rễ tự nhiên nơi người ta, mà cụ Nguyễn Du đã kết thúc tác phẩm Đoạn trường tân thanh : Thiện căn ở tại lòng ta - Chữ tâm kia mới bằng ba chữ Tài, tức tính thiện là bản thể của Đạo Tâm hay Đạo Học là Đạo nguyên, luyện được, gốc Hồn nguyên nhất khí, thông thiện với Thái Ất chân nhân.

Điều V :Thái Ất Chân Nhân

Thái Ất Chân Nhân là một lối phát tưởng của trí tuệ tự phân chia giữa tiếng nói nơi xác thân và tiếng “không nghe tiếng” (không thanh), chỉ thấy âm âm ở dưới cái không động (không thành tiếng động) = Đại âm hy thanh (thuật ngữ của Đạo Đức Kinh). Đó là nói Âm thanh sinh chỗ vô ảo, thành ở chỗ hữu hình.

1. Tiếng nói nơi xác thân biết được nhờ có sự diễn tiến của ba chu kỳ liên tiếp trong định luật Pranâyama, nhân cách hóa là Thái Ất Chân Nhân - tức là luật điều hòa hơi thở trong phương pháp Yoga (Thiền Định) từ thấp lên cao (Hathayoga và Râjayoga), tức là cách vận quỹ luồng hơi sống (Hỏa hần Kundalini) qua 4 bể (khí, huyết, tủy, não) dọc theo hai hệ thần kinh dọc theo cột xương sống gọi là Vận chuyển luân xa, làm sao để biến tới số 7 (cơ quan thứ 7 là Manas – ngoài phạm vi hình chất vật lý) từ đó có nguồn siêu năng lực (thông thiên) tới Thượng Tâm Điền là Huyệt Cung Nê Hoàn (hay gọi là “Đạo cao cả Ròng châu Hổ phục”, Long Hổ (phải trái) = hòa nhập Phi Tượng Phi Phi Tượng Xứ”, hay còn gọi là : Đạo Thông thần nhập định) trong đó tạo được tư thể quyền năng tạo ra bằng sự yên lặng nhập định của lương tâm tự giác ngộ tất cả những sức mạnh siêu việt (thần lực) phát ra bằng niệm lực (faculté de dichologie) trong một chiêu thức “vô song nguyên triệu cửu chuyển”, biến sức động từ chỗ lơ mờ âm u thành gió lốc và xoay xoắn.

2. Vận Hơi sống và Sức động là nguồn gốc của Tiếng nói

Một khi Hơi Động – quen gọi là Khí – mà tiếng Phạm gọi là Prâna - được hút vào người thì hơi hút đó biến ra Dương gọi là Apâna; nó hợp nhập hòa với Udâna – là cơ quan phát tiếng - mở lối cho cơ quan thứ 7 là Manas – trí khôn - để tự phân chia dưới 2 hình thức: một là hơi hút nhập vào chỗ Đan Điền gọi là Samâna – quen gọi là vùng Rốn (rún) – thành hình thức “Âm thanh” - được chấp nhận là gốc vật chất cho mọi tiếng nói. Hai là điểm Chân khí tại Trí khôn được nhận như một thần nữ của Lời nói – nói cách khác: hơi thở ra - tại vùng Sarasvati – phát ra thanh, ra lời, ra tiếng mệnh danh là “Verbum”, dưới hình tượng biểu số tròn đầy như số không [0], tức là vòng tròn trắng (Rỗng) tượng số [10] làm Mẹ tạo dựng Vũ trụ hay là trứng Vũ trụ.

Đó là giai đoạn thứ hai gọi là lời và trí khôn hợp lại trong Một - tức là Thái Ất - để trừ khử cái nghi ngờ thành xác thực. Đó là công dụng của Apâna.

3. Vậy là Prâna biến ra ở chu kỳ ba là hơi thở ra. Apâna biến ra ở chu kỳ ba là: khí sống (năng lực) như gió làm biểu tượng số ③ ở định luật Thiên tam sinh Phong Mộc – thành lốc xoáy mà Trang Tử và Lão Đam đều gọi là “Một sinh Hai – Hai sinh Ba – Ba sinh vạn vật” và “Cái Một từ Đạo mà có ra, từ chỗ vô hình (không thanh) mà sinh ra hữu hình” → tạo dựng “Chân vô diệu hữu”.

Vậy cả hai Prâna và Apâna đi tới Prajapati hay là vùng “Vô vi nê hoàn cung” làm “tượng thanh” bằng dây ánh sáng Thái Ất “ADITI” theo một tân thanh là Brahma. Đó là chấm dứt chu kỳ “Sa ngã Eve” – là thời phục biến – hay tái sinh một lần nữa - để nuôi dưỡng “tiếng nói” tới chỗ Thái Ất Tinh hoa cuối cùng không chia tan, qua các câu thần cú: Cửu cửu càn khôn dĩ định mà nghĩa rốt ráo là Vũ trụ trải qua cuộc Đại hóa. Nghĩa của Đại hóa thông tục có tính chấp nhất, đồng nghĩa với thời kỳ lâm chung của vạn vật, để bước sang một Trời Mới - Đất Mới, đã ăn rễ sâu vào định mệnh có chiều tiến hóa vào không gian chín chiều, mà khoa học tâm lý cận đại luôn luôn nhắm tới một Thống Nhất Trường, với nhiều khám phá táo bạo và đầy tính chất phiêu lưu.

Điều VI : Thánh Nhân mang tội dị đoan mê tín

1. Đứng về lý thuyết thì bất cứ điều gì trọng đại trên trái đất đều có tính cách lưỡng đầu đối diện. Đó là đặc tính của hiện tượng nghĩa là thế giới hữu hình.

2. Người ta quan niệm vũ trụ là biến hóa dịch chuyển không nhất thiết loại trừ một bản thể vũ trụ im lìm. Vật chất nguyên thủy xuất phát từ sự rung động cất nghĩa được “Hỗn nguyên nhất khí” mà không quyết đoán chống lại các kiến giải của các nhà Chiêm tinh. Chân Tâm Tinh Thành, không cho rằng: - Vật chất và Tinh thần luôn luôn mâu thuẫn nhau – Tâm với Vật chống nhau, muốn tiêu diệt lẫn nhau. Ai đã phá tan được các định kiến, định lý hạn hẹp, các mặc cảm ngôn ngữ dù cung cấp bởi Tôn giáo? Mấy ai đã biết đoán đúng?

3. Thực tế, đã là Vật thể thì đều có hai mặt gọi là lưã đôi (lai cặp) là có chính và phi chính. Còn con người thì lại có Luật xung hòa chi phối. Bảo rằng: tuần hoàn, nhân quả, luân hồi, vuông tròn, động tĩnh là nói theo cái có, cái hiện hữu, cái đã thành, vì thế hiểu sai lầm ý rốt ráo của sự tu ý của người xưa, ví dụ Tượng số cũng là Tượng số. Tượng và Tượng có phần chung một mầm, như một lực sinh ra tức có luật phản lực, một vật chất tức có phản vật chất. Thực chất thế giới ở gần kề thế kỷ 21, mà riêng nói tại các nước tiên tiến hùng cường nhất thì số tiền đem nường vào tay các thầy tướng số, đứng đầu bảng ngân sách thế giới và của quốc gia.

Điều VII: Lời nói đầu trong bộ Huyền Phạm Tiết Yếu do cụ Thái Quang Việt (dịch giả) viết.

1. Xin trích những đoạn quan yếu nhất để bạn đọc hiểu thêm về Thái Ất thần kinh của cụ Trạng Trình. Lời cụ Doãn:

“Mãi đến gần đây, duyên may, tôi gặp bộ Thái Ất thần kinh này, tạm gọi là đủ. Tôi phiên dịch ra tiếng Việt, tốn chừng già nửa năm. Vì thì giờ ngồi phiên dịch hằng ngày quá ít. Và giá có thì giờ chẳng nữa thì cũng không làm việc này trong nhiều giờ liên tiếp được, với tôi có thể dễ mụ trí.

Sách Ất Cả chia làm nhiều cuốn, tôi không biết số lượng đích xác. Chỉ nhớ rằng các cụ tôi xưa đã học một bộ Ất bỏ vừa đầy trong chiếc tráp lớn. Chiếc tráp ngày lớn ngày xưa, khuôn khổ mặt đáy nhích hơn cuốn sách chữ Hán viết tay, giấy bản và dày chừng 25 phân tây. Tính trung bình mỗi cuốn 2 phân, thì bộ sách phải trên 10 cuốn.

Nhưng sự thể nổi chìm, chỉ còn một bộ 3 cuốn chép tay dày chừng 3 phân, lưu lại với tôi mà thôi. Cuốn thứ hai trùng với 2 bộ này...

... Bộ Ất xưa của nhà tôi, tôi nghe kể lại do một ông tướng, khi trải quân qua một địa phận, trời tối, vào yên quân trong một căn nhà bỏ hoang. Khi nhìn lên xà nóc, thấy có chiếc tráp cột chặt vào xà bằng hai đai sắt. Gỡ đai, hạ tráp: trọn bộ Ất Cả nằm trọn vừa đầy. Bộ Ất ấy truyền sang cụ tôi bằng cách nào, tôi không nghe nói.

... Còn bộ Ất này có 5 cuốn.

Cuốn một dạy quẻ Ất (gọi là Kể Ất mới đúng tên) và ảnh hưởng các sao tóm lược.

Cuốn hai, bốn và năm dạy về ảnh hưởng các sao nói riêng.

Cuốn ba chứa đủ các Kể Ất dựng thành.

Vì là bộ sách chép tay, sao lại, nên nhiều thiết sót và lầm lẫn. Tôi mới phiên dịch, không kiểm soát lại được các lầm lạc trong con tính trong các số hiệu năm... Vì vậy, dưới đây tôi xin tóm tắt những điều tôi hiểu về cách tính một Kể Ất, để bạn đọc liệu bề suy gẫm và tự điều chỉnh lại những sai lầm.

... Những câu sách viết, phần đông lơ mờ hay bí hiểm. Nhờ phần dưới mà hiểu phần trên, hay nhờ phần trên mà hiểu phần dưới. Có khi nhận thức chợt đến như người vốn đã biết mà quên đi, rồi nay lại chợt nhớ ra (...) Có những câu học búa như âm dương tiêu trường (...) “.... Đọc sách Thái Ất với lời văn bí ẩn, lơ lớ, đọc mà hiểu được cũng tốn công phu. Vậy đòi phải gắng gỏi không ngừng, gắng gỏi nhất trong tu dưỡng”. Trong học Ất, chỉ có một phép Đếm. Đếm thì thật dễ mà thật khó. Đếm nhiều dễ buồn ngủ. Buồn ngủ thì phải làm. Giữ được khối óc sáng láng mãi trong khi đếm, đã mấy ai?

... Sau này, nếu hiểu khá rộng, mà thì giờ cho phép, tôi sẽ viết lại bộ Ất này.

2. Lời bàn của soạn giả và đề đáp:

Cụ Doãn lúc sinh thời đã vì chữ “duyên” mà trao cho tôi được phép chép lại một bản với thời gian kỷ lục một tháng - phải trả lại cho cụ và bắt tôi hứa (thề) không được cho ai khác đọc, vì cụ rất sợ người có trí, mà thiếu cái Tâm tốt, Cụ hay nói như thế. Trước khi qua đời, cụ đã cho phép tôi công bố tài liệu Ất Cả.

Những phần trong [...] là phần cụ Doãn dạy các phép tính tìm vị trí 1 số vì sao. Sau này kiểm tra lại tôi thấy cụ đã lầm lẫn nhất là các chu kỳ sao cần có cộng thêm “âm dương doanh sai” – như lời cụ đã viết trong phần mở đầu.

Nay tôi, cũng vì sợ không còn đủ thời gian để giữ riêng Ất Cả, một bộ sách đang là bí mật thuộc riêng cho văn hóa dân tộc Việt Nam, nên dù hay dở thế nào cũng phải đem “trình làng”, trình đồng bào quốc dân công lao của tiền nhân chúng ta. Và cũng vì lẽ ấy, xin bạn đọc thêm điều VIII.

Điều VIII : Tại sao Thái Ất thần kinh vắng bóng suốt 500 năm qua tại Việt Nam?

1. Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:

Cả nước Việt Nam từ Bắc tới Nam, ai ai cũng được nghe kể về cái tài học tiên tri của cụ Trạng Trình.

Nói về tiểu sử của cụ Trạng thì từ xưa đến nay, người ta luôn luôn gắn liền cụ với Thái Ất thần kinh, mặc dù chưa bao giờ người ta biết mặt mũi sách đó ra sao, nhưng sách nào cũng trưng câu nói người Trung Quốc khen cụ Trạng đã vang danh qua tận Trung Quốc, rằng : An Nam lý học hữu Trình Tuyền với nghĩa là ông Trình Tuyền là người có tài nổi tiếng về môn Lý học.

Cụ Nguyễn Bình Khiêm được phong chức Trình Tuyền Hầu, bên cạnh chức Tả thị lang, Đồng Các đại học sĩ vào đời Mạc Đăng Doanh, năm 1536 (đi) cụ đậu Trạng Nguyên. Và sau được phong Thái Phó Trình Quốc Công, Lại Bộ thượng thư.

Cụ sinh năm Tân Hợi (1491 – dl), thuộc đời vua Lê Thánh Tông Hồng Đức thứ 22, tại thôn Trung Am, làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo - Hải Dương. Thân phụ của cụ là Văn Đình.

Thân mẫu là con gái quan Hộ bộ Thượng thư Nhữ Văn Lân, được phong là Từ Thục phu nhân. Bà giỏi văn chương và tài học về Lý - Số học, có mộng lớn sinh con làm vua và rất tin tưởng ở cái phép mà Nguyễn Du đã viết về sau này rằng: “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”.

Sau này thân mẫu cụ Trạng lại lấy chồng khác, sinh ra Phùng Khắc Khoan – sau gọi là Trạng Bùng (ông Trạng của xứ Phùng) và theo học anh là Nguyễn Bình Khiêm.

Cụ Trạng Trình học giỏi, nhưng tính toán kỹ càng, bàn với mẹ về khoa lý số học và cả hai đều biết nhà Lê sẽ trung hưng, nên chờ đúng số, đến năm 44 tuổi mới ra thi và đỗ ngay Giải Nguyên. Năm 45 tuổi đỗ Trạng Nguyên - đời Mạc Đăng Doanh.

Ra làm quan 8 năm, cụ dâng sớ hạch tội 18 lộng thần. Không được Vua nghe, cụ xin cáo quan về ở ẩn. Cụ lập Am đặt tên Bạch Vân và tự hiệu Bạch Vân cư sĩ, sống đời ngao du sơn thủy, tu bổ chùa chiền, lập cầu trên Sông Tuyết Giang làm Tuyết Giang Phu Tử cùng các đồ đệ đàm luận.

Chính thời gian ẩn dật trước lúc ra thi, và sau 8 năm làm quan lại về ở ẩn, là thời kỳ chính sử không chép, chỉ toàn là dã sử về đời Cụ Trạng, mà chưa có sách nào chép hết về những điều dã sử, nhất là về sự nghiệp văn học và văn chương của Cụ, trong đó chỉ còn truyền lại có 2 tập thơ là Bạch Vân am thi tập và Bạch Vân quốc ngữ thi tập. Phần lớn các bài thơ trong hai tập trên đã bị thất lạc, người ta chỉ

sưu tầm lại được một số. Bàn về văn học, văn chương hoặc sự nghiệp văn võ, tài kinh bang của cụ Trạng hoặc sưu tầm lịch sử thuộc xã hội đời cụ Trạng thì ta phải nói rằng: sự nghiệp văn chương của cụ Trạng là cái tinh hoa về triết lý và mở ra Khoa Triết Lý Toán Học. Sự liên quan tới Thái Ất Thần Kinh của cụ Trạng trong phạm vi giới thiệu về tài tiên tri của cụ qua những bài thơ có liên hệ “duyên văn chương” với Thái Ất Thần Kinh, nghĩa là tập thơ Bạch Vân Am và Bạch Vân quốc ngữ chính là phần Triết học cao siêu về Thái Ất kinh Huyền Phạm.

Cụ Trạng mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu (1585 – dl), thọ 95 tuổi.

Vậy là gần suốt 90 năm cụ Trạng Trình đã đọc sách và nghiên cứu về Lý Số học, và ròng rã 80 năm đọc “Đồ Thư một quyển”, sống ẩn tàng. Vì lên 4 tuổi, cụ đã nổi tiếng thần đồng, tài thông minh xuất chúng, lại nhờ được một “tiên thiên khí” hùng hậu - tướng mạo khôi ngô tuấn tú, vóc dáng to lớn đầy đà, nhờ tú khí non sông của vùng đất Chí Linh xứ Hải Dương - mạch núi Yển Tử phát từ đất Quý Châu kéo về tới long mạch, trừ ra 8 năm làm quan và 2 năm dọn thi cử, thế là 80 năm dùng để trau dồi 2 chữ Ẩn Tàng. Nếu biết rằng cả nguồn Đạo Học xây dựng và phát huy trong tư thế “yên lặng” của Thiền định, thì Ẩn Tàng đồng thể với Cư Sĩ, với Tiên Ông, với tu dưỡng tới độ đạt đạo, mà ý nghĩa rất ráo là có “tài thông thần” là các khả năng siêu quần quán chúng về thấu thị, về thần giao cách cảm, thông thần, học một biết 10, xuất quỷ nhập thần biết cả quá khứ và tri cơ một tương lai, mà người ta dồn đóng vào cái học Lý Số - để an dưỡng tinh thần: “Già vô sự ấy là tiên”. Cái học Lý số : “Đồ Thư một quyển nhà làm cửa” của cụ Trạng bao trùm ba cái khó nhất trong Đạo học mà cụ đã đắc đạo như “gia bảo” của nhà làm cửa riêng một quyển.

Học lý số qua lối học Giáp (độn Giáp - Kỳ môn) khó nhất là Siêu thần tiếp khí hay Chính siêu nhuận tiếp, nghĩa là đúng vượt thêm nổi – thành công như Khổng Minh là điều nghìn năm có một: Thiên tài nhất thì cái tinh hoa tự đỉnh ở tại hiểu nổi và đặt được chìa khóa giải siêu thần tiếp khí (Ngũ Vận Lục Khí đưa ta đến chỗ biết Siêu thần tiếp khí).

Học Lý Số qua lối học Nhâm, khó nhất là Vòng Bạc Quý Nhân - tức là Thiên Ất Quý Nhân - giải mã trong “Phú Xạ Ca” mà cả đời ông Lê Quý Đôn đã đi tìm mà không thấy.

Học Lý Số qua lối học Ất là vượt qua cầu dựng nổi một quả Ất vì dựng được quả Ất phải qua bước khó nhất là Kể Ất hay Kể Thần và Định Kể, nói gọn là Đếm cho đúng phép, đúng con toán.

Nên bàn qua một chút về văn chương của cụ, bằng trích hai câu thơ đã dẫn trên:

Ngư Ông bắt ngộ Đào Nguyên khách,

Khởi thức hưng vong thế cổ kim.

Hoặc hai câu mở đề bài thơ Cảm hứng (a)

Thái hòa vũ trụ bắt ngu châu,

Hổ chiểu giao tranh tiểu lưỡng thù.

Hoặc hai câu thơ mở bài Cảm nhàn (b)

Danh toại công thành hựu hỷ hựu

Đăng nhàn thể cổ nhất hư châu”.

Hoặc hai câu trong Bạch Vân am thi tập (c)

Nhàn trung hoa thảo túc Cung Xuân

Tà dương độc lập đô vô sự

Có thể nói ba dẫn chứng trên chứng tỏ văn chương của cụ Trạng có triết lý của Thái Ất thần kinh.

Xin chú giải:

“Về hai câu (a): tóm lược suốt cuốn Nam Hoa kinh của Trang Tử mà sau này Nguyễn Công Trứ đã phảng phất “thiên vị “ đó nhờ ở các cụm từ Thái Hòa vũ trụ - để nói về lẽ hòa bình trong văn hóa thời Lão Long Cát. Vì đã đánh mất đạo Hòa nhất tâm nguyên mà chia thành “lưỡng thù” đáng chê cười. Và cụm từ Hổ chiến giao tranh bao bọc suốt cái học Tam Thao, Ngũ Lược và một phần Thái Ất học ở phần Thất Thuậ Thái Ất (Thuậ Thái Ất).

Về hai câu (b): Tóm lược hết cái ý : “Bất chiến Tự Nhiên Thành”. Trong Thiên y học dọc dài qua bộ sách Đạo Đức Kinh của Lão Đam, tụ hội tại cụm từ “Danh toại công thành” diễn tả nội lực công phu đã đạt 10 thành công lực để tiến vào thể “Phi tướng phi phi tướng xứ” tức là thể “Như Lai” thể “Niết Bàn”, thể “Tĩnh lặng tuyệt vời” trong chiêu thức thần thông biến tạo từ là /Dichologie/. Tương đương với câu “Danh toại công thành hựu hỷ hựu”.

Còn cụm từ “nhất hư châu” hoặc “ngư ông”, “ngư châu” đều được thiên hạ gán cho tư tưởng hưởng nhàn hoặc bi quan yếm thế, hoặc bất mãn với thế cuộc có phảng phất trong thơ Cao Bá Quát về sau này, đó là lối giảng văn chương một cách võ đoán của Hán Nho hoặc Thanh Nho... vớt lấy phần đuôi của bài ca bất hủ được truyền trong khoa Lý Số học tóm lược các “khóa” mà “Kinh Âm Phù đã rao truyền”: /Ngũ khắc/ /Lục tặc/ đều qui về phương pháp giải gỡ “vô thường” mà Mệnh lý học với các bài Phú thời danh vô cùng uyên áo, nếu không có “công phu” tu tập thì không bao giờ được coi là “công thành danh toại”, để tiến vào vùng “thân thoái”, mà cụm từ “hựu hỷ hựu” đã điệp vần trùng ngôn cho cái khí vị của lương tâm đã giác ngộ, nói cách khác là “ sự bình an nở nụ cười tâm hồn” và nở “Hoa Ngũ Nguyên tựu đỉnh” được truyền cho từ Cửu Thiên Huyền Nữ, qua câu:

Hồng Nhật đông thăng tri đại hải

Bạch vân tây vọng thị thần châu.

Từng cặp từ nguyên thể đối đãi nhau như khí mây, khí bọt, khí sóng, hơi gió, hơi lửa ùn ùn trong luật Biến hóa tổng thể vũ trụ AKASHA, từ sau sự sa ngã của Eva với trái cấm vườn Eden, để nhập thể vào “Mệnh môn hỏa” tạo nên một Hoàng thai: Mai cốt cách tuyệt tinh thần.

Về hai câu (c)

- Ý thơ “túc cung xuân” của vòng dịch Liên Sơn Qui Tàng, diễn ý “cung xuân” đồ tại con số cửu cung tiến thoái ở hình I dẫn con số xoáy vào tâm, thành 36 cung xuân, mà từ quả Thái tiến vào quả Bĩ, từ Thiên Căn tiến vào Nguyệt Quật, từ Thiên nhất sinh Thủy đến Địa tứ thành Kim, từ Thiên môn tiến vào Địa hộ, qua cửa U minh.

Và “Đô Vô Sự” ở buổi “độc lập” của ánh “tà dương” chiếu rọi trên màu xanh thiên cổ của non sông gấm vóc, trong chốn bồng lai tiên cảnh, có bà Tây Vương Mẫu trong hội bàn đào: “Già vô sự ấy là tiên”, mà đời Lê còn vang vọng hai chữ “Đắc đạo” trong truyện Từ Thức lạc vào đất núi Phù Lai, động Thần Phù như các chân nhân trong câu chuyện được kể trong Tang thương ngẫu lục có liên quan tới Thái Ất thần kinh.

2. Đông Dã Tiều Phạm Đình Hồ (1768 – 1840):

Bộ Thái Ất thần kinh do Bạch Vân cư sĩ soạn, sau được Phạm Đình Hồ chuyển tên từ “Huyền Phạm” sang “Huyền Phạm tiết yếu”.

Phạm Đình Hồ - tự Tùng Niên, hiệu Đông Dã Tiều, còn gọi là Chiêu Hồ - sinh tại làng Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương – con quan Tham Tri Phạm Đình Dư. Ông học rộng tài cao nhưng thi không đỗ, Vua biết tài cho làm quan. Tương truyền ông là bạn văn chương với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Phạm Đình Hồ cùng Nguyễn Án soạn bộ Tang thương ngẫu lục vào đời Vua Gia Long (1802 – 1819).

Trong Tang thương ngẫu lục kể chuyện ông Nguyễn Trọng Thường được bộ Thái Ất như sau (truyện 23, trang 74):

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Càn huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thuở nhỏ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, tuổi trẻ đã biết làm văn, khi lớn theo học ở ngoài. Một đêm ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem trà, quả đến tặng biếu, cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đấy, thường đêm như vậy. Nhưng trải mấy năm giờ, giữa hai người không hề có việc xằng bậy, nhảm nhí. Rồi một đêm mỹ nhân từ biệt về, ông cầm tay hỏi lại ngày tái ngộ, thì nói:

- Chúng ta sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung, tại hồ Động Đình.

Năm 16 tuổi, ông đỗ khoa Hương, sắp sửa tới Kinh, thi hội. Một hôm ông ngoại ra bài cho học trò tập, thấy trong đám đông có một chàng thiếu niên chưa đến giờ ngộ đã nộp quyển rồi ra đi. Ông ngoại nói:

- Có lẽ chân nhân Phạm Viên đùa ghẹo ta đây.

Ông liền đặt bút đi theo. Ra đến ngoài đồng thì kịp, bèn theo chân nhân đi chơi Long - Hồ. Đến cửa ải Chấn Nam, ông quí gối thỉnh giáo, Chân nhân nói:

- Đây không phải việc của người. Tiền trình rộng lớn, đừng nên theo đuổi việc thừa, vô ích.

Liền trao cho Tập Số Thái Ất, hẹn sẽ phải trả lại ở hồ Động Đình.

Ông Thường thi đỗ, làm quan trong ngoài nhiều nơi, nhưng rất ơ hờ, không lấy sự làm quan là vui thú. Khi đi sứ Tàu, ông đem việc nhà dặn bảo con cái rồi đem nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở hai bên cạnh đường có hai cái miếu, một cái đã đổ nát. Hỏi dân ở đây nói: “Cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi, còn cái miếu kia thì thờ bà Phu nhân.

Ông giật mình bừng tỉnh ngộ, liền bỏ tiền ra nhờ người dân ở đấy tu bổ lại. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giở cái hộp đựng tập số Thái Ất ném xuống, cái hộp theo nước cuộn cuộn mà chìm.

Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỹ nhân đến.

Sáng hôm sau, ông mất ở thuyền

Sứ bộ đem thi hài về nước

(Sách đã dẫn – do Đạm Nguyên dịch – XB 1962).

Theo tài liệu để lại, thì ông Trương Thường tức là Nguyễn Trọng Thường đã làm bài ca Tiểu Phi Sa - dịch là bài ca Đãi Vàng nhỏ - Phi Sa là tiếng cổ Thiên Việt ngữ AKASHA – Bài ca Tiểu Phi Sa được ghi ở cuốn Bốn của bộ Khuôn Huyền. Nguyễn Thuyên làm tập Phi Sa nay đã mất (Lời soạn giả)

3. Sách Thái Ất Di Giản Lục của Lê Quý Đôn

Nếu ta được đọc hai bộ Thái Ất do hai soạn giả đồng thời vào thế kỷ 18, là của Phạm Đình Hổ với nhau đề Huyền Phạm Tiết Yếu và của Lê Quý Đôn dưới nhan đề Thái Ất Di giản lục, ta sẽ thấy ngay rằng, câu chuyện Ông Nguyễn Trọng Thường được Chân nhân Phạm Viên trao cho Tập Số Thái Ất đựng trong hộp và hẹn phải trả lại ở hồ Động Đình... là hai bộ Thái Ất có nội dung và có xuất xứ khác nhau, nhưng cùng một tiết lộ rằng: Thái Ất vốn là một môn học có tính cách bí truyền và không được đem dạy cho bất cứ ai vì cái sợ chung là nếu tập số Thái Ất bị các tay thiếu “tu dưỡng” mà có trí thông minh, sẽ lợi dụng mà làm việc nghịch đạo luân thường. Tư tưởng “Tài Đức” đi đôi với nhau vào thời trung cổ dù ở Đông hay Tây đều là mẫu mực chung của xã hội yên bình. Cái học tâm truyền đặt căn bản ở chỗ “Thầy đi, tìm trò để truyền đạo, chứ trò khó lòng tìm được chân nhân”. Về phái theo Đạo học chính tông, từ đời xa xưa vẫn được truyền dạy dưới những dạng thức “tâm truyền” có tính cách khổ công tu luyện. Phái theo Khổng Mạnh – quen gọi là Nho Giáo – là cái học tu tề - trị bình đã bị giải thích theo khuynh hướng trọng hán học và tôn thờ phái Bắc học, coi thường phái Nam học, nghĩa là trọng thầy Tàu hơn trọng thầy bản xứ. Việc đó đã xảy ra tại thời nhà Trần giữa cái học theo Khổng Mạnh qua Ngũ kinh,

nhất là qua Dịch kinh của Khổng Tử, hay qua Chu Dịch và phái Trình Di – còn phái Nam học khởi xướng do Chu An chú trọng cả tam giáo và tìm về Tinh Nghĩa hơn là tầm chương trích cú theo giáo điển. Về Thiên học ai qua được Thượng sĩ Trần Quốc Tảng. Truyện vụ án Lê Chi Viên xảy ra cho dòng họ Nguyễn Trãi, dù được vua Lê Thánh Tông duyệt lại và trả lại sự công bằng cho dòng họ Nguyễn Trãi thế mà ông Lê Quý Đôn còn toan phán xét lại công và tội Nguyễn Trãi - đủ thấy cái học lệ thuộc vào khuôn mẫu Trung Hoa còn rất mạnh. Và cái lối kể truyện của tác giả Phạm Đình Hổ về Nguyễn Trọng Thường gặp Chân nhân Phạm Viên, và Chân nhân Phạm Viên xuất hiện trong tác phẩm đó ở nhiều chuyện khác, cũng như truyện Phạm Tử Hư, Truyện Từ Thức... được kể trong tác phẩm của học trò Cụ Trạng Trình là Nguyễn Tự (Nguyễn Dữ) và Phùng Khắc Khoan, thành một tác phẩm Thei6n Cổ kỳ bút có tên là Tân Biên Truyền Kỳ Mạn Lục - để lại cho đời - truyện và kỳ cả về văn, lẫn về ý, mà phi Đạo Học ra không tài nào hiểu nổi hoặc lãnh hội được. Nếu chỉ theo phái học gọi là Duy lý thì tác phẩm đó cũng như văn chương học thuật của Cụ Trạng bị lên án: không là hoang đường thì cũng là một việc thừa vô ích vô dụng không nên theo đuổi, như lời nói của Phạm Viên Chân nhân dặn Nguyễn Trọng Thường trước khi trao tập số Thái Ất, và hẹn phải trả lại tại Động Đình hồ, nghĩa rằng không tìm ai xứng đáng đủ căn duyên để luyện được – bí chỉ của Đạo Học.

Bởi những điều đã trình bày trên đây về lược sử Cụ Trạng, về lược sử Phạm Đình Hổ, về truyện Nguyễn Trọng Thường với tập số Thái Ất, về tài nhận xét sơ đẳng, về Thái Ất dị lục của ông Lê Quý Đôn rằng: tài liệu cung cấp không đủ để lên được một quẻ Thái Ất” tất cả đều chứng tỏ cho đời thấy rằng chỉ có khối óc mà không có tấm lòng “Tín Thiên” thì cũng như “Có tài mà cậy chỉ tài, chữ tài liền với chữ tai một vần”, mà cái “Tai” đến thì phải than : “Tài tình chi lắm cho trời đất ghen”.

Một lời sau cùng về Thái Ất Thần Kinh của Cụ Trạng được Phạm Đình Hổ soạn lại thành Huyền Phạm Tiết Yếu là một “áng văn học”, vì nó đã dùng luật thơ Lục bát để áp dụng vào lời Hán Việt Âm, ta sẽ thấy ở quyển hai nói về ảnh hưởng các vì sao đối với thời tiết như mưa nắng – bão lụt – giông tố - và trong quyển một, toàn dùng thơ để diễn đạt qui luật “Kể Ất”, và nhất là ở quyển 2,3 + 5, ca và phú đã tạo thành một bài Trường Ca với tên là Hội Hải Minh Châu ca = gom góp hạt châu ngoài biển (trường ca và đoản ca) – (Cụ Doãn lại cũng dịch thành thơ).

Trong số các bài ca đó, có bài ca Đãi Vàng nhỏ - dịch bởi cụm từ Thiên Việt AKASHA là Tiểu Phi Sa – tác giả Nguyễn Trọng Thường đã nói ở trên. Thực chất đã có Phi Sa tập của Hàn Thuyên và tinh nghĩa /Phi Sa/ là Số Một Cả - cổ ngữ Việt từ nguyên /Sa/ là số một duy nhất - /Sa/ ghép vào /Phi pháp phi phi pháp xứ/ thuật ngữ my ngữ ở đời Trần ám chỉ Thiên học.

Điều IX : Sự dàn xếp nội dung toàn bộ Thái Ất Thần Kinh

Toàn bộ Thái Ất Thần Kinh gồm 7 cuốn, xếp theo:

A. Bộ Chính gồm 5 cuốn Dịch Chính Bản Huyền Phạm Tiết Yếu như đã dẫn:

Cuốn 1 : Tính Quẻ Ất (có phần Hán văn ở Phụ lục)

Cuốn 2 : Gom góp hạt châu ngoài biển (có phần Hán văn: Hội Hải Minh Châu ca - ở Phụ lục).

Cuốn 3 : Ảnh hưởng các sao nói riêng và lập các thuật Thái Ất.

Cuốn 4 : Gồm 2 cuốn trên và dưới.

Cuốn 4 trên : tính 72 khối Âm lập thành quẻ Ất.

Cuốn 4 dưới : tính 72 khối Dương lập thành quẻ Ất

Cuốn 5 : Thái Ất kể ngày.

Cuốn 6 : Để đáp cách tính và lập thành đồ bàn Quẻ Ất – cùng các chi tiết quan yếu. Đó là Thái Ất Thực Dụng I.

Cuốn 7 : Để đáp Bí Quyết về Nhân sinh và lên quẻ Thân Mệnh theo quẻ Ất để tìm Vận Hạn diễn tiến theo 64 quẻ Dịch. Đó là Thái Ất Thực Dụng II.